TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS-ST
Ngày 17-8-2026
V/v tranh chấp về chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Ngọc Anh

Bà Trương Thị An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp về chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; căn cước công dân số 031153001384; địa chỉ: Số A V, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1959; căn cước công dân số 042059000370; địa chỉ: Số A V, phường N, thành phố Hà Nội. (theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2025); có mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1952; căn cước công dân số C1; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Nam A, sinh năm 1984; căn cước công dân số 031184000679; địa chỉ: Số B C, phường H, thành phố Hải Phòng (theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/7/2026); có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Mạnh T2, sinh năm 1970; căn cước công dân số C2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A V, phường N, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2025); bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 26/01/2026); có mặt.

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; căn cước công dân số C3; địa chỉ: Tổ dân phố H (nay là tổ dân phố K), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A V, phường N, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2025); có mặt.

+ Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1974; căn cước công dân số C4; địa chỉ: Tổ dân phố D T (nay là tổ dân phố T), phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A V, phường N, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2025); có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; căn cước công dân số C5; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A V, phường N, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2025); có mặt.

+ Bà Vũ Thị B, sinh năm 1963; căn cước công dân số C6; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; căn cước công dân số C7; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Anh Nguyễn Cảnh D, sinh năm 1990; căn cước công dân số C8; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Đoàn Thị O, sinh năm 1968; căn cước công dân số 033168003410; địa chỉ: Tập thể H, xã N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Phi H2, sinh năm 2002; căn cước công dân số 031202003407; địa chỉ: Tập thể H, xã N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 2004; căn cước công dân số 001304014822; địa chỉ: Tập thể H, xã N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1975; địa chỉ: Dãy A1 nhà số G, tổ dân phố F, phường Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Chị Đồng Thị H3, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn H4, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Văn T7 (chết năm 1983); có hai vợ là Đỗ Thị T8 (chết năm 2001); cụ Nguyễn Thị B1 (chết năm 1962).

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 có 03 người con: Bà Nguyễn Thị P2 (chết năm 2002); ông Nguyễn Văn P3 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị T.

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Nguyễn Thị B1 có 03 người con: Ông Nguyễn Văn P4 (chết năm 2015); bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H5 (chết năm 2021). Do cụ B1 chết sớm, nên ông P4, bà P, ông H5 từ bé đã ăn ở với cụ T7 và cụ T8.

Khi còn sống, thì cụ T8 và cụ T7 có tài sản chung là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng. Nguồn gốc thửa đất trên là của cụ T8 và cụ T7. Sau này, cụ T7 và cụ T8 mất không để lại di chúc, đất cũng chưa chia cho ai.

Sau khi cụ T7 và cụ T8 mất, ông P3 và bà N cùng các con đang ăn ở và quản lý toàn bộ thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng. Quá trình ăn ở trên thửa đất, ông P3 và bà N xây dựng tôn tạo thửa đất trên. Toàn bộ vật kiến trúc hiện tại trên thửa đất là của ông P3 và bà N xây dựng.

Bà T đã nhiều lần đề nghị ông P3 và bà N chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại nhưng ông P3 và bà N không đồng ý.

Do vậy, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án: Công nhận 1/2 thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.347,1 m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là di sản của cụ Đỗ Thị T8 để lại; chia di sản thừa kế của cụ T8 theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: Nhất trí với diện tích hiện trạng của thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là 2.347,1 m^2. Bà T đề nghị được nhận di sản bằng hiện vật. Bà T nhất trí nhận phần đất đang được bà N sử dụng làm ao. Trong trường hợp được chia phần di sản bằng hiện vật thì bà đề nghị nhập phần di sản của bà và phần di sản của bà P2 được hưởng thành một phần để giao cho bà và các con bà Phan C quản lý sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Đoàn Thị N trình bày:

Bà Đoàn Thị N có chồng là ông Nguyễn Văn P3 (chết năm 2009); vợ chồng ông, bà có 04 người con là Nguyễn Thị P1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Văn T6. Ngoài ra, không còn người con chung, con riêng nào khác.

Bố ông P3 là cụ Nguyễn Văn T7 (chết năm 1983); có hai vợ là Đỗ Thị T8 (chết năm 2001); cụ Nguyễn Thị B1 (chết năm 1962).

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 có 03 người con là: Bà Nguyễn Thị P2 (chết năm 2002); ông Nguyễn Văn P3 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị T.

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Nguyễn Thị B1 có 03 người con: Ông Nguyễn Văn P4 (chết năm 2015); bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1958) và ông Nguyễn Văn H5 (chết năm 2021).

Khi còn sống, thì cụ T8 và cụ T7 cùng các con ăn ở trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng; còn cụ B1 và các con có đất riêng.

Nguồn gốc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là của cụ T8 và cụ T7. Sau này, cụ T7 và cụ T8 mất không để lại di chúc và có nói với ông P3 đất này là đất thờ tự chỉ được ở, không được bán. Sau đó, vợ chồng ông P3 và các con ăn ở ổn định từ năm 2001 đến nay.

Hiện nay, bà N và các con đang ăn ở và quản lý toàn bộ thửa đất trên. Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất, ông P3 và bà N xây dựng tôn tạo thửa đất trên. Sau khi ông P3 chết, bà N và các con ăn ở trên thửa đất trên, đóng thuế hàng năm. Toàn bộ vật kiến trúc hiện tại trên thửa đất là của ông P3 và bà N xây dựng.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xác định ½ thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.347,1 m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ T8 và đề nghị chia phần di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị T8 theo quy định của pháp luật thì bà N cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, cũng đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo cho quyền lợi của vợ chồng ông P3 và bà N.

Quá trình giải quyết vụ án bà N đề nghị: Nhất trí với diện tích hiện trạng của thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là 2.347,1 m^2. Việc diện tích thửa đất giảm đi là do quá trình sử dụng gia đình có hiến đất để mở rộng ngõ đi. Bà N đề nghị Tòa án xác định rõ phần đất ở và phần đất trồng cây lâu năm. Đề nghị chia cho bà T phần đất đang sử dụng làm ao vì trên phần đất này hiện nay không có công trình vật kiến trúc gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Mạnh T2; chị Bùi Thị H; anh Bùi Văn H1; đại diện theo ủy quyền của anh T2, chị H, anh H1 (con của bà Nguyễn Thị P2) thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị P2 (chết năm 2002) có chồng là Bùi Văn T9 (chết năm 1993). Bà P2 và ông T9 có 03 người con là Bùi Mạnh T2, Bùi Thị H và Bùi Văn H1. Ngoài ra, bà P2 và ông T9 không có người con chung hay con riêng nào khác.

Bà Nguyễn Thị P2 có bố là cụ Nguyễn Văn T7 (Chết năm 1983) và mẹ là cụ Đỗ Thị T8 (chết năm 2001).

Khi còn sống, cụ T8 và cụ T7 có tài sản chung là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng.

Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu xác định ½ thửa đất trên là di sản của cụ T8 và đề nghị chia di sản thừa kế của cụ T8 theo quy định của pháp luật thì anh Bùi Mạnh T2; chị Bùi Thị H; anh Bùi Văn H1 cũng nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn H1 có ý kiến: Nhất trí với diện tích hiện trạng của thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là 2.347,1 m^2. Anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn H1 đề nghị được nhận phần di sản mà mẹ anh chị (bà Nguyễn Thị P2) được hưởng bằng hiện vật. Trong trường hợp được chia phần di sản bằng hiện vật thì anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn H1 đề nghị nhập phần di sản của mình và phần di sản của bà T được hưởng thành một phần để giao cho bà T, anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn H1 cùng quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Văn T6 (con của ông P3 và bà N) thống nhất trình bày:

Nhất trí với ý kiến trình bày của bà N về quan hệ gia đình cũng như nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng.

Chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Văn T6 xác nhận toàn bộ công trình vật kiến trúc trên đất do bà N, ông P3 xây dựng và thống nhất đề nghị Tòa án chia phần đất đang sử dụng làm ao cho bà T và

các con bà Nguyễn Thị Phan . Về phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn P3 được hưởng của cụ T8 thì chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Văn T6 từ chối không nhận, đề nghị Tòa án giao toàn bộ phần di sản thừa kế của bố tôi cho bà Đoàn Thị N quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Phương trình B2:

Nhất trí với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về quan hệ gia đình. Do cụ B1 mất sớm nên bà P cùng các anh chị em ở với cụ T7 và cụ T8 từ khi 03 tuổi đến khi khôn lớn, xây dựng gia đình.

Khi còn sống, thì cụ T8 và cụ T7 cùng các con ăn ở trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng; còn cụ B1 và các con có đất riêng.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ Đỗ Thị T8 thì bà P đề nghị Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của cụ T8 cho các con đẻ của cụ. Bà P từ chối phần di sản thừa kế này vì bà P và các con của cụ B1 đã có phần đất riêng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Vũ Thị B, anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Cảnh D (vợ, con của ông Nguyễn Văn P4) thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn P4 (chết năm 2015) và vợ là Vũ Thị B có 02 người con là anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Cảnh D. Ngoài ra, ông P4 không có người con nào khác.

Bà Vũ Thị B, anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Cảnh D nhất trí với lời khai của bà T về quan hệ gia đình. Do cụ B1 chết sớm nên ông P4 cùng các anh chị em ở với cụ T7 và cụ T8 từ khi 03 tuổi đến khi khôn lớn.

Khi còn sống, thì cụ T8 và cụ T7 cùng các con ăn ở trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng; còn cụ B1 và các con có đất riêng.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ Đỗ Thị T8 thì bà Vũ Thị B, anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Cảnh D là người thừa kế của ông Nguyễn Văn P4 từ chối phần di sản thừa kế mà ông P4 được hưởng từ cụ T8 vì các con của cụ B1 đã có phần đất riêng. Bà Vũ Thị B, anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Cảnh D đề nghị Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của cụ T8 cho các con đẻ của cụ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đoàn Thị O, anh Nguyễn Phi H2 và chị Nguyễn Thị Bích T3 (vợ, con của ông Nguyễn Văn H5) thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn H5 (chết năm 2021) có vợ là Đoàn Thị O và 02 con là anh Nguyễn Phi H2 và chị Nguyễn Thị Bích T3.

Bà Đoàn Thị O, anh Nguyễn Phi H2 và chị Nguyễn Thị Bích T3 nhất trí với lời khai của bà T về quan hệ gia đình. Do cụ B1 chết sớm nên ông H5 cùng các anh chị em ở với cụ T7 và cụ T8 từ khi 03 tuổi đến khi khôn lớn.

Khi còn sống, thì cụ T8 và cụ T7 cùng các con ăn ở trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.428m^2; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng; còn cụ B1 và các con có đất riêng.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ Đỗ Thị T8 thì bà Đoàn Thị O, anh Nguyễn Phi H2 và chị Nguyễn Thị Bích T3 là người thừa kế của ông Nguyễn Văn H5 từ chối phần di sản thừa kế ông H5 được nhận từ cụ T8 vì các con của cụ B1 đã có phần đất riêng. Bà Đoàn Thị O, anh Nguyễn Phi H2 và chị Nguyễn Thị Bích T3 đề nghị Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của cụ T8 cho các con đẻ của cụ.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hải Phòng thể hiện:

Theo sổ mục kê, bản đồ năm 1995 hiện lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường A thể hiện: Diện tích đất tại thửa số 8, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường A, Hải Phòng ghi chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn P3 (chồng bà N). Do ông P3 là người đi kê khai. Về nguồn gốc thửa đất đề nghị Tòa án xác minh ghi ý kiến tại khu dân cư và tổ trưởng tổ dân phố qua các thời kỳ vì ngoài sổ mục kê và bản đồ năm 1995 ủy ban nhân dân phường không còn tài liệu nào khác.

Diện tích 2428 m^2 đất tại thửa số 8, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường A, Hải Phòng hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản thẩm định, định giá tài sản do Tòa án nhân dân Khu vực 2- Hải Phòng cung cấp, diện tích hiện trạng của thửa đất là 2.347,1 m^2 có giảm đi là do quá trình sử dụng người sử dụng đã hiến đất để mở rộng ngõ đi chung và do trước đây đo vẽ thủ công nên có sai số. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất của gia đình ổn định, không có tranh chấp với các hộ giáp ranh.

Theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố H ngày 12/9/2025 quy định hạn mức công nhận đất ở của thửa đất trên là 600m2; phần đất còn lại được xác định là đất trồng cây lâu năm. Mặt khác, việc xác định vị trí đất ở là do người sử dụng đất xác định.

Theo kết quả xác minh tại người dân sống lâu năm tại địa phương, tổ trưởng tổ dân phố, người thân trong gia đình đều thể hiện:

Cụ Nguyễn Văn T7 có hai vợ là cụ Đỗ Thị T8 và cụ Nguyễn Thị B1.

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 có 03 người con: Bà Nguyễn Thị P2; ông Nguyễn Văn P3 và bà Nguyễn Thị T.

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Nguyễn Thị B1 có 03 người con: Ông Nguyễn Văn P4; bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H5.

Do cụ B1 chết sớm, nên các con của cụ B1 ăn ở với cụ T7 và cụ T8 từ bé đến lớn.

Khi còn sống, thì cụ T8 và cụ T7 có tài sản chung thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng; còn cụ B1 và các con có đất riêng. Thửa đất trên cụ T8 và cụ T7 sử dụng từ trước năm 1980. Sau khi cụ T8 chết thì cụ T7 và con trai là Nguyễn Văn P3 cùng vợ con ăn ở tại thửa đất trên. Toàn bộ vật kiến trúc trên đất hiện trạng là do vợ chồng ông P3 xây dựng và tôn tạo.

Quá trình sử dụng thửa đất từ trước đến nay, không có tranh chấp gì với các hộ xung quanh về ranh giới và mốc giới thửa đất

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản:

Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng hiện do bà Đoàn Thị N đang quản lý sử dụng; có diện tích hiện trạng là 2.347,1 m^2; giá trị vật kiến trúc trên đất là 1.038.183.471 đồng; giá trị quyền sử dụng đất ở là 7.000.000 đồng/1m2; giá đất vườn là 1.000.000 đồng/1m2.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, cụ thể:

1. Xác định diện tích đất 1.173,55m^2 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là phần di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị Tràng ;

2. Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị T8 cụ thể như sau:

Giao bà Đoàn Thị N quản lý, sử dụng diện tích 586,775m^2 (Trong đó: Phần diện tích đất ở là 150 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2).

Giao bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 cùng quản lý sử dụng diện tích 586,775m^2 (Trong đó: Phần diện tích đất ở là 150m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2) và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, bà Đoàn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và tài sản đang tranh chấp có địa chỉ tại: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng theo quy định Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự có mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hàng thừa kế:*

Cụ Nguyễn Văn T7 (chết năm 1983) và cụ Đỗ Thị T8 (chết năm 2001) có 03 người con: Bà Nguyễn Thị P2 (chết năm 2002); ông Nguyễn Văn P3 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị T.

Cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Nguyễn Thị B1 (chết năm 1962) có 03 người con: Ông Nguyễn Văn P4 (chết năm 2015); bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H5 (chết năm 2021).

Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Thị T8 là bà Nguyễn Thị P2; ông Nguyễn Văn P3, bà Nguyễn Thị T. Mặt khác, ông Nguyễn Văn P4, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H5 là con của cụ B1 và cụ T7 nhưng sau khi cụ B1 chết, ông Nguyễn Văn P4, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn H5 được cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ đến trưởng thành. Xét quá trình nuôi dưỡng thực tế và sự thống nhất của các đương sự trong vụ án, có căn cứ để xem xét quyền thừa kế của Nguyễn Văn P4, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H5 đối với di sản của cụ T8 như con đẻ của cụ T8.

Bà Nguyễn Thị P2, chết năm 2002 có chồng là ông Bùi Văn T9, chết năm 1993; như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà P2 là anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 được hưởng di sản thừa kế của bà P2.

Ông Nguyễn Văn P3 chết năm 2009; như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P3 là bà Đoàn Thị N và 04 người con là chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Văn T6 được hưởng di sản thừa kế của ông P3.

Ông Nguyễn Văn P4 chết năm 2015; như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P4 là bà Vũ Thị B và 02 người con là Nguyễn Văn M và Nguyễn Cảnh D được hưởng phần di sản thừa kế của ông P4.

Ông Nguyễn Văn H5 chết năm 2021; như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 là Đoàn Thị O và 02 con là Nguyễn Phi H2 và Nguyễn Thị Bích T3 được hưởng phần di sản thừa kế của ông H5.

[4] ***Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang có tranh chấp:***

Theo sổ mục kê, bản đồ năm 1995 hiện lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường A thể hiện: Diện tích 2428m^2 đất tại thửa số 8, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng ghi chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn P3. Ngoài sổ mục kê và bản đồ năm 1995, Ủy ban nhân dân phường A, không còn tài liệu nào khác thể hiện về nguồn gốc thửa đất. Việc sổ mục kê và bản đồ năm 1995 ghi tên chủ sử dụng là ông P3 do ông P3 là người đi kê khai sử dụng đất.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng thống nhất trình bày: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 sử dụng từ trước năm 1980. Cụ T7 và cụ T8 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ T7 và cụ T8 chết, ông P3 và bà N cùng các con đang ăn ở và quản lý toàn bộ thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng. Quá trình ăn ở trên thửa đất, ông P3 và bà N xây dựng tôn tạo thửa đất trên. Toàn bộ vật kiến trúc hiện tại trên thửa đất là của ông P3 và bà N xây dựng.

Quá trình xác minh tại tổ dân phố, người dân sống lâu năm tại tổ dân phố V, phường A, thành phố Hải Phòng đều xác định: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 sử dụng từ trước năm 1980.

Xét thấy lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, căn cứ theo quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

[5] ***Về yêu cầu xác định ½ thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị T8***

Như phân tích tại mục [4] xác định: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị Tràng .1 Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thể hiện: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng có diện tích hiện trạng là 2.347,1 m^2. Diện tích thửa đất theo hiện trạng có thay đổi là do quá trình sử dụng gia đình ông P3 có hiến đất để mở rộng ngõ và do có sai sót trong quá trình đo vẽ thủ công năm 1995. Quá trình xác minh tại địa phương và các hộ liền kề đều thể hiện, từ trước đến nay gia đình ông P3 đã sử dụng thửa đất ổn định, không có tranh chấp với các hộ liên kề. Các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án chỉ xem xét giải quyết phần diện tích hiện trạng là 2.347,1m^2.

Quá trình xác minh tại Ủy ban nhân dân phường A thể hiện phần diện tích được công nhận là đất ở là 600m^2; phần diện tích còn lại là 1.747,1 m^2 là đất trồng cây lâu năm.

Tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1954 quy định: *"Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới".* Như vậy, 1/2 thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, Hải Phòng là tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ T8. Mặt khác, như phân tích tại mục [3] thể hiện cụ T7 chết năm 1983 không để lại di chúc nên cụ T8 còn được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ T7 để lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn bà Đoàn Thị N, các con bà P2 (Bùi Mạnh T2, Bùi Thị H và Bùi Văn H1) đều thống nhất đề nghị Tòa án xác định ½ diện tích 2.347,1m^2 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường A, Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ T8. Các bên không có yêu cầu gì về phần di sản thừa kế của cụ T7.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ xác định ½ diện tích 2.347,1m2 tương đương với diện tích 1.173,55m2 (trong đó: phần diện tích đất ở là 300m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 873,55m^2) là di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị Tràng .1

[6] ***Về công sức giữ gìn, tôn tạo thửa đất*:** Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất thừa nhận, sau khi cụ T7 và cụ T8 chết thì ông P3 và bà N là người trực tiếp quản lý thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V

(nay là Tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng. Toàn bộ vật kiến trúc trên đất hiện trạng là do ông P3 và bà N xây dựng tôn tạo. Quá trình sử dụng thửa đất ông P3 và bà N là người đóng thuế đất. Do đó, các đương sự thống nhất đề nghị cho ông P3 và bà N được hưởng công sức giữ gìn, tôn tạo thửa đất tương đương với 01 suất thừa kế. Xét, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] ***Về phần di sản các thừa kế được nhận:***

[7.1] Như đã phân tích tại mục [3] cụ Đỗ Thị T8 có 03 người con đẻ là bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn P3 và bà Nguyễn Thị T. Ông Nguyễn Văn P4, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H5 là các con của cụ Nguyễn Thị B1 và cụ Nguyễn Văn T7. Do cụ B1 chết sớm, ông P4, bà P và ông H5 được cụ Nguyễn Văn T7 và cụ Đỗ Thị T8 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi còn nhỏ đến khi trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P, những người thừa kế của ông P4 (bà Vũ Thị B, anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Cảnh D), những người thừa kế của ông H5 (bà Đoàn Thị O, anh Nguyễn Phi H2 và chị Nguyễn Thị Bích T3) đều tự nguyện từ chối nhận phần di sản hưởng từ cụ Đỗ Thị T8 và đề nghị chia phần di sản này cho các con đẻ của cụ T8.

Xét thấy, việc bà P và những người thừa kế của ông P4, ông H5 tự nguyện từ chối nhận phần di sản được hưởng từ cụ Đỗ Thị T8 là tự nguyện, không bị ép buộc phù hợp với quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, không đặt ra việc xác định, phân chia phần di sản của cụ Đỗ Thị T8 cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn P4 và ông Nguyễn Văn H5; phần di sản mà những người này từ chối được xem xét trong phần di sản còn lại để chia cho các con đẻ của cụ Đỗ Thị T8 là bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Văn P3 và bà Nguyễn Thị T.

[7.2] Đối với phần di sản của cụ Đỗ Thị T8 mà ông Nguyễn Văn P3 được hưởng. Những người thừa kế của ông P3 gồm bà Đoàn Thị N và 04 người con là chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5 và anh Nguyễn Văn T6.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5 và anh Nguyễn Văn T6 đều tự nguyện từ chối nhận phần di sản mà ông P3 được hưởng từ cụ Đỗ Thị T8 và đề nghị giao phần di sản này cho bà Đoàn Thị N quản lý, sử dụng.

Xét việc từ chối nhận di sản của chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5 và anh Nguyễn Văn T6 là tự nguyện, không bị ép buộc phù hợp với quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, bà Đoàn Thị N được hưởng phần di sản của cụ Đỗ Thị T8 mà ông Nguyễn Văn P3 được hưởng và phần công sức giữ gìn, quản lý, tôn tạo di sản theo sự thống nhất của các đương sự.

[7.3] Như phân tích tại mục [6] thể hiện, các đương sự thống nhất công sức giữ gìn, quản lý, xây dựng, tôn tạo của ông P3 và bà N được tính tương đương 01 suất thừa kế. Như vậy, diện tích 1.173,55m² là di sản của cụ Đỗ Thị T8 được chia thành 04 phần bằng nhau, trong đó:

Bà Đoàn Thị N được nhận 02 phần (01 phần công sức xây dựng tôn tạo; 01 phần di sản thừa kế ông P3 được hưởng) tương đương với diện tích 586,775 m^2 (trong đó: Phần diện tích đất ở là 150 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2)

Bà Nguyễn Thị T được nhận 01 phần thừa kế tương đương với diện tích 293,3875 m^2. (Trong đó: Phần diện tích đất ở là 75 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 218,3875m^2)

Anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 được nhận chung 01 phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Phan tương Đ với diện tích 293,3875 m^2. (Trong đó: Phần diện tích đất ở là 75 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 218,3875m^2)

Hội đồng xét xử thấy, các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận được về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị T8, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] ***Về cách phân chia di sản:***

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án xác định, phân chia phần đất ở và phần đất trồng cây lâu năm. Bà N đề nghị giao phần diện tích đất mà bà Nguyễn Thị T và các con bà Nguyễn Thị P2 được hưởng tại vị trí hiện đang sử dụng làm ao, phần diện tích này hiện tại không có công trình, vật kiến trúc, cây cối gì; bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 đều thống nhất với đề nghị này.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 thống nhất gộp phần di sản mà bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị P2 được hưởng thành một phần để cùng quản lý, sử dụng chung.

Do đó, có căn cứ giao cho bà Đoàn Thị N quản lý, sử dụng diện tích 586,775m^2 (Trong đó: Phần diện tích đất ở là 150 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2) và toàn bộ vật kiến trúc trên đất.

Giao cho bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 cùng quản lý, sử dụng diện tích 586,775m² (Trong đó: Phần diện tích đất ở là 150 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2).

Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và không trái quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[10] ***Về án phí dân sự:*** Bà Nguyễn Thị T, bà Đoàn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần diện tích thừa kế được phân chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611, 612, 613, 618, 620, 649, 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, cụ thể:

1. Xác định diện tích 1.173,55m^2 đất, thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Tổ dân phố V (nay là Tổ dân phố Q), phường A, thành phố Hải Phòng là phần di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị T8 (phần diện tích đất trên có các mốc giới 1a-2-3-4-5-6-7-8-9-9a-10-11-11a-12-12a-13a-1a);

2. Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị T8 cụ thể như sau:

Giao bà Đoàn Thị N quản lý, sử dụng diện tích 586,775m^2 (trong đó: Phần diện tích đất ở là 150 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2), theo các mốc 1a-2-3-4-5-6-7-8-9-9a-12b-12a-13a-1a.

Giao bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 cùng quản lý sử dụng diện tích 586,775m^2 (trong đó: Phần diện tích đất ở là 150 m^2; phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 436,775m^2) theo các mốc 12b-9a-10-11-11a-12-12a-12b.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, bà Đoàn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Mạnh T2, chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn H1 mỗi người phải nộp 11.245.166 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phùng Ngọc Anh - Trương Thị An	**Phạm Tuấn Anh**